

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				30%	0%	0%	0%	0%	20%	0%	50%			
1	132234890	NGUYỄN VĂN QUẾ	K15KTR5	0					0		HP	0.0	Không	NỢ HP
2	132234900	HUỶNH PHÚC THẮNG	K15KTR5	0					5		HP	0.0	Không	NỢ HP
3	152232027	TRẦN THỊ THANH NHÀN	K15KTR5	10					7		8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
4	152232801	V? DŨNG	K15KTR5	7					6		8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
5	152232803	TRƯƠNG DUY TÍN	K15KTR5	10					5		4	6.0	Sáu	
6	152232822	VÀNG ANH QUỐC	K15KTR5	10					3		6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
7	152232823	TRẦN VIỆT ĐẠT	K15KTR5	10					5		8	8.0	Tám	
8	152232827	LÊ NGỌC TƯỜNG NHI	K15KTR5	7					5		5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
9	152232837	NGUYỄN VĂN LỘC	K15KTR5	7					3		4	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
10	152232838	NGUYỄN LÊ HÂN	K15KTR5	10					5		6	7.0	Bảy	
11	152232845	NGUYỄN VĂN DUY	K15KTR5	3					5		4	3.9	Ba Phẩy Chín	
12	152232851	TRẦN MINH HOÀNG	K15KTR5	3					5		4	3.9	Ba Phẩy Chín	
13	152232878	LỤC HIẾU Đ?NH	K15KTR5	10					5		4	6.0	Sáu	
14	152232879	NGUYỄN THẾ ANH	K15KTR5	10					3		6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
15	152232880	ĐÀM HOÀNG HOÀNG	K15KTR5	10					5		8	8.0	Tám	
16	152232881	TRƯƠNG ANH THỨC	K15KTR5	7					6		7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
17	152232895	PHAN THANH NAM	K15KTR5	3					7		10	7.3	Bảy Phẩy Ba	
18	152232897	TRƯƠNG THANH THẢO	K15KTR5	10					8		6	7.6	BảyPhẩy Sáu	
19	152232900	NGUYỄN HỒNG THÁI	K15KTR5	7					5		10	8.1	Tám Phẩy Một	
20	152232905	HỒ DUY NGUYỄN	K15KTR5	3					6		9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
21	152232909	LÊ THỊ TƯỜNG VI	K15KTR5	7					6		4	5.3	Năm Phẩy Ba	
22	152232931	DƯƠNG MINH VŨ	K15KTR5	7					6		8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
23	152232938	KIỀU QUỐC QUỲNH	K15KTR5	0					6		6	4.2	Bốn Phẩy Hai	
24	152232943	LÊ QUỐC BẢO	K15KTR5	3					6		7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
25	152232944	NGUYỄN TÔNG PHƯƠNG	K15KTR5	7					5		4	5.1	Năm Phẩy Một	
26	152232945	ĐÀO HẢI NINH	K15KTR5	10					9		8	8.8	Tám Phẩy Tám	
27	152232948	PHẠM THỊ PHƯƠNG	K15KTR5	7					5		6	6.1	Sáu Phẩy Một	
28	152232953	LÊ CHIÊU LINH	K15KTR5	0					2		6	3.4	Ba Phẩy Bốn	
29	152232958	PHẠM KHẮC LONG	K15KTR5	10					5		6	7.0	Bảy	
30	152232962	PHAN VĂN PHÚC	K15KTR5	3					6		6	5.1	Năm Phẩy Một	
31	152232976	BÙI THỊ DIỄM MỸ	K15KTR5	10					7		10	9.4	ChínPhẩy Bốn	
32	152232979	HOÀNG Đ?NH HÙNG	K15KTR5	7					3		7	6.2	Sáu Phẩy Hai	
33	152232981	NGUYỄN MINH TUẤN	K15KTR5	10					6		5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
34	152232984	TRẦN ĐẠO KHÁNH	K15KTR5	7					5		5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
35	152232988	NGUYỄN XUÂN CUỜNG	K15KTR5	3					5		10	6.9	Sáu Phẩy Chín	
36	152232991	HUỶNH RÔ Y	K15KTR5	7					6		8	7.3	Bảy Phẩy Ba	
37	152232997	NGUYỄN VĂN MẠNH	K15KTR5	3					6		10	7.1	Bảy Phẩy Một	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				30%	0%	0%	0%	0%	20%	0%	50%				
38	152232999	BÙI TẮT	THÀNH	K15KTR5	10					6		5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
39	152233007	PHAN NGỌC	SANG	K15KTR5	7					5		8	7.1	Bảy Phẩy Một	
40	152233008	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	K15KTR5	0					2		8	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
41	152233011	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	K15KTR5	2					6		8	5.8	Năm Phẩy Tám	
42	152233021	TRỊNH HOÀNG	GIANG	K15KTR5	0					0		HP	0.0	Không	NỢ HP
43	152233024	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	K15KTR5	0					5		10	6.0	Sáu	
44	152233038	NGUYỄN Đ?NH	HUY	K15KTR5	10					6		4	6.2	Sáu Phẩy Hai	
45	152233044	V? NG ỌC	ANH	K15KTR5	10					6		6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
46	152233049	TỔNG VĂN	SƠN	K15KTR5	0					0		HP	0.0	Không	NỢ HP
47	152233050	LÊ TÂN	TRÚC	K15KTR5	10					6		8	8.2	Tám Phẩy Hai	
48	152233051	NGUYỄN PHAN THÀNH	ĐÔNG	K15KTR5	3					5		8	5.9	Năm Phẩy Chín	
1	132526830	NGUYỄN THỊ	HẠNH	K13QNH7	0					8		8	5.6	Năm Phẩy Sáu	34524/691DT

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	42	86%	
2	Số sinh viên nợ	7	14%	
TỔNG CỘNG :		49	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
(K? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, 09/07/2011
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(K? và ghi r? họ tên)

V? QU ỌC TOÀN

NGUYỄN HỒNG LAM

LÊ ĐỨC TRỌNG

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ